

Bản án số: 66/2018/DS- ST
Ngày 16-8-2018
V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2018/QĐST-DS ngày 16/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2018/QĐST-DS, ngày 02/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Xuân L, sinh năm 1955; Nơi cư trú: ấp L, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: ấp T, xã K, huyện B, tỉnh Bến Tre (Văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018)

2. Bị đơn: Tạ Văn D, sinh năm 1961; Nơi cư trú ấp Phú Quới, xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Anh Nguyễn Thanh H có mặt, ông Tạ Văn D vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Xuân L đề ngày 09/4/2018 và tại bản khai cũng như phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Năm 2012 ông Nguyễn Xuân L có đưa cho ông Tạ Văn D số tiền 60.000.000 đồng để nhờ ông D thuê luật sư, xác nhận nơi cư trú của bị đơn tại công an và khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố B về việc “*Tranh chấp hợp đồng bơm cát*” với ông Nguyễn Thành Đg. Thời gian thực hiện xong thỏa thuận là

70 ngày nhưng hết thời gian theo thỏa thuận mà ông D không hoàn thành công việc mà ông L yêu cầu, tuy nhiên ông D chỉ hoàn thành việc xác nhận nơi cư trú của ông Đ nên ông L đồng ý trả cho ông D số tiền 20.000.000 đồng, nên ông D phải có nghĩa vụ trả lại cho ông L số tiền 40.000.000 đồng, nhưng ông D chỉ trả được cho ông L 17.000.000 đồng và còn nợ lại là 23.000.000 đồng. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ngày 09/4/2018 ông Nguyễn Xuân L khởi kiện yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền còn thiếu là 23.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tuy nhiên, đến ngày 19/5/2018 ông D đã trả cho ông L được 5.000.000 đồng và ngày 08/8/2018 ông D tiếp tục trả cho ông L 2.500.000 đồng nên tại phiên tòa anh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.500.000 đồng. Cụ thể, ông Nguyễn Xuân L yêu cầu ông Tạ Văn D trả số tiền còn thiếu là 15.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Tạ Văn D vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 09/4/2018 của ông Nguyễn Xuân L đối với ông Tạ Văn D thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Kiện đòi tài sản”. Xác định ông Nguyễn Xuân L là nguyên đơn, ông Tạ Văn D là bị đơn. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Ông Tạ Văn D có nơi cư trú tại xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông D vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Tạ Văn D.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Thanh H là người đại diện rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể số tiền ông L yêu cầu ông D phải trả từ 23.000.000 đồng xuống còn 15.500.000 đồng, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 và khoản 2 Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết vụ án về một phần yêu cầu khởi kiện của ông L đối với số tiền 7.500.000 đồng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Tạ Văn D có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 15.500.000 đồng cho ông L, không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi Tòa án thụ lý đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông D không có ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chứng cứ của nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Tạ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định:

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 219 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 166 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L đối với số tiền 7.500.000 đồng

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L

Buộc ông Tạ Văn D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Xuân L số tiền 15.500.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Tạ Văn D phải chịu là 775.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 575.000 đồng (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) cho ông Nguyễn Xuân L theo biên lai thu số 0016439 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhũn:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TỌA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Mai Thị Nhặt Phạm Văn Nam

Nguyễn Thị Hồng Diễm

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nguyễn Văn Hiền Phạm Văn Nam

Nguyễn Thị Hồng Diễm